

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- *Tôn phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Duy Tuấn;
2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị A, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Tổ dân phố Ch, thị trấn Ng, huyện N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Lê Thị A trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Gi, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại xã Đ, huyện Gi; cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính nết, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, những lúc như vậy anh lại đánh chửi

chị. Do mâu thuẫn, cuối năm 2018 chị về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Bắc Giang ở, sau đó anh T xin lỗi nên chị quay về chung sống cùng anh T. Đầu năm 2022, anh chị mâu thuẫn, anh T đánh chửi chị nên chị lại về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con là Đoàn Đại V, sinh ngày 01/5/2017, con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; hiện chị kinh doanh tự do, hàng tháng thu nhập ổn định khoảng 10 triệu đồng, được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở và chăm sóc con nên chị đủ điều kiện để nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Bị đơn - anh Đoàn Văn T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt. Tại đơn đề nghị gửi đến tòa, anh T trình bày: Do đi làm xa, công việc bận nên anh không đến làm việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án được; về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như nội dung chị A đã trình bày. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, anh nhất trí ly hôn với chị A và để chị A trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị A, anh T vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị A ly hôn anh Đoàn Văn T; giao con Đoàn Đại V, sinh ngày 01/5/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con; chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt, chị A đề nghị không tiến hành hòa giải; cả chị A, anh T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 228 của BLTTDS.

[2] Chị Lê Thị A và anh Đoàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện Gi nơi anh T sinh sống tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị A và anh T là hợp pháp.

[3] Do mâu thuẫn, đầu năm 2022 chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Bắc Giang sinh sống, anh T bỏ đi làm ăn, hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị A khởi kiện xin ly hôn, anh T nhất trí. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị A ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị A và anh T có 01 con là Đoàn Đại V, sinh ngày 01/5/2017, đang ở cùng chị A. Nay ly hôn, chị A đề nghị giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, hiện anh T đi làm xa, không có điều kiện nuôi con, anh đề nghị giao con cho chị A nuôi dưỡng, còn chị A hiện kinh doanh tự do, thu nhập ổn định khoảng 10 triệu đồng/tháng, được gia đình bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở và chăm sóc con nên có đủ điều kiện nuôi con. Nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về quan hệ tài sản, do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí, chị Lê Thị A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị A ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đoàn Đại V, sinh ngày 01/5/2017 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000115 ngày 04 tháng 5 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị A, anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Đ, H. Ninh Giang;
- Đường sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân